

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 101/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 19/9/2023

V/v: “Ly hôn giữa chị T và anh H”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HỆN N, TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Thị Thu Hương

Ông Lê Trung Thành

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện N tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Là – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 94/2023/TLST-HNGĐ ngày 06/6/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị T, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm T, xã N, Huyện N, tỉnh Nam Định

Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1988 (vắng mặt)

HKTT: Xóm Tiên Phong 2, xã N, Huyện N, tỉnh Nam Định

Hiện nay đang bị giam tại: Trại tạm giam Công an tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/6/2023 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trịnh Thị T trình bày: Chị và anh Trần Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký tại UBND xã N, Huyện N, tỉnh Nam Định ngày 03 tháng 01 năm 2014.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng chị ly thân từ tháng 12 năm 2014 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự đổ vỡ không có khả năng hàn gắn

đoàn tụ, đề nghị Toà án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn H.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Trần Quang H, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2013. Từ khi ly thân con chung ở với chị, khi ly hôn chị muốn tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28/8/2023, bị đơn anh Trần Văn H trình bày: Anh và chị Trịnh Thị T chung sống với nhau từ năm 2012 đến năm 2015 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống không có tiếng nói chung. Từ năm 2015 đến nay vợ chồng ly thân. Nay chị T xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: vợ chồng anh có 01 con chung là Trần Quang H sinh ngày 16/12/2013 hiện đang ở cùng chị T. Khi ly hôn, anh đồng ý để chị T tiếp tục nuôi con anh không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị T

Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, H đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm H đồng xét xử nghị án

Về đường lối giải quyết:

Căn cứ điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 điều 147 Bộ luật TTDS; điều 6, khoản 1 điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc H về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trịnh Thị T. Xử cho ly hôn giữa chị Trịnh Thị T và anh Trần Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Quang H sinh ngày 16/12/2013 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí DSST: Chị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật./.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, H đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trịnh Thị T và anh Trần Văn H đều có đơn xin xét xử vắng mặt; Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị T và anh Trần Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã N, Hện N, tỉnh Nam Định ngày 03 tháng 01 năm 2014. Vì vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

[3] Trong quá trình chung sống, giữa chị T và anh H nảy sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do hai vợ chồng không có tiếng nói chung thường xuyên cãi vã, chửi bới xúc phạm đến nhau. Từ năm 2015 đến nay chị T và anh H ly thân, hai bên không gặp gỡ để tìm biện pháp hàn gắn đoàn tụ. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn; chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, anh H nhất trí.

Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị Trịnh Thị T và anh Trần Văn H đã mâu thuẫn trầm trọng, từ khi ly thân đến nay hai bên cũng không tìm được biện pháp hàn gắn đoàn tụ nên nếu tiếp tục kéo dài thì mục đích của hôn nhân không đạt được; Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị T đối với anh Trần Văn H.

[5] Về nuôi con chưa thành niên khi ly hôn: Chị Trịnh Thị T và anh Trần Văn H có 01 con chung là Trần Quang H sinh ngày 16/12/2013. Hiện nay cháu H ở cùng chị T, cháu H có đơn xin được ở cùng với mẹ. Xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế, nguyện vọng của con chung, đề nghị của đương sự, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. H đồng ý xét xử thấy: Quá trình giải quyết vụ án chị T và anh H đều có ý kiến: chị T sẽ tiếp tục nuôi cháu H và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Do vậy đề nghị của chị T, anh H là phù hợp với các quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Khi ly hôn tiếp tục giao con chung là Trần Quang H sinh ngày 16/12/2013 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con, anh H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Về tài sản: Chị Trịnh Thị T và anh Trần Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Trịnh Thị T phải nộp án phí ly hôn theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc H khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị Trịnh Thị T, anh Trần Văn H được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56, 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc H khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho ly hôn giữa chị Trịnh Thị T và anh Trần Văn H

2. *Về nuôi con chung chưa thành niên*: Giao con chung Trần Quang H sinh ngày 16/12/2013 cho chị Trịnh Thị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Trần Văn H phải cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Trịnh Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Hện N theo biên lai thu số 0000525 ngày 06 tháng 6 năm 2023

4. *Về quyền kháng cáo*: Chị Trịnh Thị T, anh Trần Văn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh: 01 bản
- VKSND, tỉnh, Hện: 02 bản
- Chi cục THA Hện N: 01 bản
- UBND xã N: 01 bản
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ, Lưu VP

**T/M: H ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Xuân Thọ